

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày: 23 - 7 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Quốc Khánh

2. Ông Lại Thiện Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Mao - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 165/2018/TLST – DS, ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST – DS, ngày 13 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Trung T**, sinh năm 1983

(Ông L có mặt, bà D và ông Tuấn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày: Vào ngày 15/7/2018, ông L có đưa cho bà D 70.000.000 đồng để mua lúa của bà D. Hai bên cam kết đến ngày 19/9/2018 thì bà D phải giao lúa cho ông L. Đến hạn nêu trên thì bà D không thực hiện. Ngày 03/12/2018, ông L và bà D lập văn bản thỏa thuận với nội dung bà D cam kết vào ngày 21/12/2018 bà D sẽ trả cho ông L 20.000.000 đồng; ngày 03/01/2019 bà D sẽ trả cho ông L 50.000.000 đồng nhưng đến nay bà D không thực hiện cam kết. Ông L cho rằng

ông cũng không biết là chồng của bà D ông Tuấn có biết việc mua bán lúa giữa ông với bà D hay không bởi vì ông chỉ trực tiếp giao dịch với bà D. Nay ông L xác định nếu ông Tuấn đồng ý cùng vợ là bà D trả nợ cho ông thì ông đồng ý. Nếu ông Tuấn không đồng ý cùng vợ trả nợ thì ông L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc một mình bà D phải trả cho ông 70.000.000 đồng. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà D thừa nhận những nội dung trình bày của ông Lê Văn L là đúng. Bà D đồng ý trả cho ông L số tiền 70.000.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà D xin trả dần cho đến khi hết nợ. Việc giao dịch mua bán lúa giữa ông L với bà D thì chồng bà là ông Lê Trung T không biết. Ông Tuấn không có sử dụng số tiền này. Toàn bộ 70.000.000 đồng nhận từ ông L bà D đã chi xài cá nhân, đây là nợ riêng của bà D. Ngoài ra, bà không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trung T trình bày: ông Tuấn là chồng của bà Nguyễn Thị D. Việc mua bán lúa giữa ông L và bà D thì ông Tuấn không biết. Đồng thời ông Tuấn không có sử dụng số tiền 70.000.000đ này. Đây là nợ riêng của bà D nên ông Tuấn không đồng ý cùng bà D trả cho ông L 70.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông L, buộc bà D trả cho ông L 70.000.000đ tiền mua lúa. Ông Lương Trung Tuấn không có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả nợ cho ông L. Bà D phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Lê Văn L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả 70.000.000đ tiền mua lúa nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trung T có nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm

a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Việc xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị D và ông Lê Trung T khi bà Nguyễn Thị D và ông Lê Trung T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là đúng quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L kiện đòi bà Nguyễn Thị D trả 70.000.000 đồng tiền mua lúa: Vào ngày 15/7/2018, ông L có đưa cho bà D 70.000.000 đồng để mua lúa của bà D. Hai bên cam kết đến ngày 19/9/2018 thì bà D phải giao lúa cho ông L. Đến hạn nêu trên thì bà D không thực hiện. Ngày 03/12/2018, ông L và bà D lập văn bản thỏa thuận với nội dung bà D cam kết vào ngày 21/12/2018 bà D sẽ trả cho ông L 20.000.000 đồng; ngày 03/01/2019 bà D sẽ trả cho ông L 50.000.000 đồng nhưng đến nay bà D không thực hiện cam kết. Tại lời khai của mình bà D thống nhất toàn bộ nội dung mà ông L đã nêu là đúng. Bà D đồng ý trả cho ông L số tiền 70.000.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà D xin trả dần cho đến khi hết nợ. Sự thừa nhận nợ của bà D là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu của ông Lê Văn L là có cơ sở chấp nhận.

Về việc xem xét ông Lê Trung T có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả nợ cho ông L: Tại đơn khởi kiện của mình ông L chỉ yêu cầu bà D trả nợ. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, ông L có ý kiến nếu ông Tuấn đồng ý cùng vợ là bà D trả nợ cho ông thì ông đồng ý. Nếu ông Tuấn không đồng ý cùng vợ trả nợ thì ông L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc một mình bà D phải trả cho ông 70.000.000 đồng. Ông L cho rằng ông cũng không biết ông Tuấn có biết việc mua bán lúa giữa ông với bà D hay không. Bởi vì, ông chỉ trực tiếp giao dịch với bà D. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác. Bà D và ông Tuấn xác định việc giao dịch mua bán lúa giữa ông L với bà D thì ông Lê Trung T không biết. Ông Tuấn không có sử dụng số tiền này. Toàn bộ 70.000.000 đồng nhận từ ông L bà D đã chi xài cá nhân, đây là nợ riêng của bà D nên ông Tuấn không đồng ý cùng bà D trả nợ cho ông L. Vì vậy, không có cơ sở buộc ông Tuấn có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả cho ông L 70.000.000 đồng.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận toàn bộ.

[3] Về án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu 3.500.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430 Bộ luật dân sự;
Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L:

Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn L số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015”.

[2]. Về án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị D phải nộp số tiền 3.500.000đ. Do ông Lê Văn L đã dự nộp số tiền 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005989 ngày 24/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên ông Lê Văn L được hoàn lại toàn bộ số tiền 1.750.000 đồng trong giai đoạn thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt